TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-05-2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/03/2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị Á, sinh năm 1972 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn L, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Thôn A, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

* *Bị đơn:* Anh Lương Văn H, sinh năm 1979 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn T, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo khởi kiện đề ngày 24/03/2023 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thân Thị Á trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lương Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 30/12/2021. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng vài tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất đồng quan điểm. Vợ chồng hiện đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn H.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Lương Văn H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Thân Thị Á kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 30/12/2021. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất đồng quan điểm. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị Á xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Á và anh H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Thân Thị Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lương Văn H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Văn H có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn T, xã T, thành phố Bắc Giang nên thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Thân Thị Á và bị đơn anh Lương Văn H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Thân Thị Á và anh Lương Văn H kết hôn ngày 30/12/2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị Á đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn bản gốc nên quan hệ hôn nhân giữa chị Á, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Á anh H đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở nên trầm trọng và sống ly thân nhau từ lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Á, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Á xin ly hôn, anh H nhất trí. Việc nhất trí ly hôn của chị Á, anh H là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á.

[2.2] Về con chung: Chị Á, anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Á, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án để buộc chị Á phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Thân Thị Á được ly hôn anh Lương Văn H.

2.2. Về án phí: Chị Thân Thị Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002183 ngày 28/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Á đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND xã S;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên